

NHẬN THỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

VŨ VĂN PHÚC*

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định ba đột phá chiến lược, có sự kế thừa, bổ sung các đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Việc xác định rõ các đột phá chiến lược trong từng giai đoạn phát triển đất nước có ý nghĩa quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện mục tiêu mà Đại hội Đảng đã đề ra.

Nhận thức chung về tổ chức thực hiện ba đột phá chiến lược

Đại hội XIII của Đảng khẳng định, ba đột phá chiến lược vừa kế thừa ba đột phá chiến lược do Đại hội lần thứ XI, XII đã đề ra, vừa bổ sung, cụ thể hóa cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới. Ba đột phá chiến lược mà Nghị quyết Đại hội XIII đề ra⁽¹⁾ có nhiều nhận thức mới về cách tiếp cận, mục đích và nội dung.

Đột phá chiến lược thứ nhất về *hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...* có nhiều nội dung mới: Thứ nhất, tại Đại hội XI, XII, đột phá chiến lược thứ nhất chỉ là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là mới chỉ đề cập đến hoàn thiện thể chế phát triển của lĩnh vực kinh tế. Đại hội XIII đề cập *hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển*, tức là thể chế phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Ngay vấn đề hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng

chứa đựng điểm mới. Nếu ở Đại hội XII, việc hoàn thiện thể chế nhằm nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế, thì Đại hội XIII nhấn mạnh mục đích “tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất, kinh doanh”. Thứ hai, Đại hội XIII bổ sung nội dung đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công - tư; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm

* PGS, TS, Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 337 - 338

tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật.

Đột phá chiến lược thứ hai về *phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao...* cũng có nhiều nội dung mới. Thứ nhất, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục - đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài; thứ hai, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; thứ ba, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đột phá chiến lược thứ ba về *xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.* Đây là một cách tiếp cận mới, rất thực tế, một phương hướng hợp lý, tích cực nhằm phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhanh và bền vững.

Các nội dung mới của ba đột phá chiến lược cần được nhận thức đầy đủ, toàn diện, thống nhất để triển khai thực hiện thành công nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội XIII của Đảng đề ra. Tuy nhiên, vấn đề nhận thức các đột phá chiến lược cũng còn một số vấn đề đặt ra:

Nội hàm đột phá chiến lược thứ nhất hiện còn nhiều câu hỏi đặt ra về mặt nhận thức cần được làm rõ thêm.

Thứ nhất, vấn đề đầu tiên thuộc về chính các thuật ngữ sử dụng trong đột phá chiến lược thứ nhất. Cần phân biệt rõ thể chế phát triển và thể chế phát triển nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa

(XHCN). Về hình thức, rõ ràng thể chế phát triển là một khái niệm rộng hơn thể chế phát triển nền KTTT định hướng XHCN. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển được hiểu là hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển ở tất cả các lĩnh vực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, con người, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...). Bên cạnh đó, cũng cần có sự thống nhất về sử dụng các thuật ngữ, bởi hiện nay khi sử dụng cụm từ “thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, khi lại sử dụng cụm từ “thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đây là vấn đề có thể gây nên sự khác biệt về nhận thức, cần phải làm rõ.

Thứ hai, cần làm rõ các câu hỏi: Đây là bản chất của thể chế phát triển nền KTTT định hướng XHCN? Nội hàm của nó là gì? Điều này vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục làm rõ:

Một là, Đảng ta đã khẳng định và xác định xây dựng và phát triển xã hội XHCN là mục tiêu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả dân tộc. Vì vậy, phát triển nền KTTT định hướng XHCN chỉ là một giai đoạn phát triển để đạt tới mục tiêu này hay là phương thức, phương tiện, con đường để xây dựng chủ nghĩa xã hội? Trong thời kỳ trước khi có sự thừa nhận thể chế KTTT, ở nước ta đã áp dụng thể chế kinh tế “kế hoạch hóa tập trung” và hiện vẫn còn có những hệ lụy...

Việc phát triển nền KTTT định hướng XHCN không chỉ là vấn đề mang tính tất yếu của công cuộc đổi mới mà còn là sự đúng đắn về nguyên tắc, quan điểm của Đảng, đồng thời là đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước; không chỉ là nền móng bảo đảm độc lập, tự chủ về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, mà còn là điều kiện căn bản và môi trường rộng mở tối ưu bảo đảm cho sự phát triển năng động, mạnh mẽ và bền vững của nền kinh tế gắn chặt với công bằng xã hội và vì mục tiêu tiến bộ xã hội, xét trên cả hai

bình diện đối nội và hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động, hiệu quả. Đó cũng là sự thể hiện ưu thế tuyệt đối của chế độ xã hội ta khi xem KTTT chỉ là phương tiện, công cụ hữu hiệu để xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phục vụ nhân dân so với các chế độ xã hội khác cũng phát triển KTTT.

Hai là, nền KTTT định hướng XHCN là một thể thống nhất bao gồm hai mặt gắn bó biện chứng hữu cơ với nhau; đó là nền KTTT hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; đồng thời, bảo đảm định hướng XHCN vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực, nguồn lực phát triển... KTTT định hướng XHCN vừa vận động, phát triển tuân theo, chịu sự chi phối của những quy luật của KTTT, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối, hàm chứa, gắn với và hướng tới những giá trị cơ bản của các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển đồng bộ, toàn diện trong cả bốn khâu của quá trình tái sản xuất xã hội: Sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng; trên cả ba quan hệ cơ bản của quan hệ sản xuất xã hội theo định hướng XHCN: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, mang lại hạnh phúc cho người dân, chủ thể chính của xã hội, của nền kinh tế đó. Để làm việc này cần có sự can thiệp của Nhà nước (thiết chế được hình thành (từ xã hội) vào nền kinh tế để giải quyết các vấn đề của một xã hội mà trong đó nền kinh tế là nền tảng của xã hội đó).

Ba là, về góc độ lý luận kinh tế học hiện đại (từ lịch sử phát triển các học thuyết kinh tế), không có nền KTTT tự do thuần túy theo Adam Smith. Kinh tế học cổ điển mới cho rằng sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế là “tất yếu” trong xã hội hiện đại...

Thứ ba, khi đã làm rõ và thống nhất (tương đối) về bản chất của thể chế phát triển nền KTTT định hướng XHCN - rằng nền KTTT định hướng XHCN là nền kinh tế vận hành theo nguyên tắc thị trường và có sự can thiệp của Nhà nước, câu hỏi đặt ra ở đây chính là: Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế như thế nào? Trực tiếp hay gián tiếp? Bằng công cụ nào? Hay nói cách khác (như một số học giả thường nói: Nhà nước nhiều hơn hay thị trường nhiều hơn?). Đây chính là những vấn đề về lý luận, học thuật cần phải tập trung giải quyết để làm rõ hơn và thống nhất về nhận thức: Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách... Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội...

Thứ tư, cụ thể hơn về nhận thức, cần giải quyết một số vấn đề sau:

Vấn đề cơ bản của phát triển kinh tế (theo kinh tế học) chính là việc khai thác (huy động) và sử dụng các nguồn lực (rất khan hiếm, hữu hạn trong một không gian và thời gian nhất định - gắn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học - công nghệ nhất định) một cách hiệu quả nhất cho phát triển kinh tế. Nền kinh tế vận hành theo các nguyên tắc thị trường sẽ giải quyết vấn đề này. Thị trường (các nguyên tắc thị trường) sẽ huy động và phân bổ các nguồn lực (tài nguyên - resources) một cách hiệu quả nhất...

Khi đã nói đến KTTT, không thể không đề cập đến quan hệ cung và cầu. Ở tầm vĩ mô, trong một nền KTTT sẽ thiết lập cân bằng giữa cung, cầu và giá cả. Trước hết, xét

về phía cung: sản lượng của một nền kinh tế (trong trường hợp ở đây là tổng sản phẩm quốc nội (GDP)) và tăng trưởng của nó phụ thuộc theo quan hệ: $Y = F(K, L, A)$. Quan hệ này có thể thể hiện dưới nhiều dạng thức khác, cụ thể hơn. Quan hệ trên thể hiện mức tăng sản lượng (Y) phụ thuộc vào việc huy động và sử dụng nguồn lực vốn (hoặc tài nguyên khác), nguồn nhân lực (lao động) và các nhân tố tổng hợp. Thị trường sẽ huy động và phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả nhất, vậy để tăng trưởng trên cơ sở sử dụng hiệu quả nguồn lực, việc đầu tiên cần phải làm là thiết lập và vận hành thị trường các nhân tố đầu vào (các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực vốn, nguồn nhân lực, các tài nguyên khác do con người tạo ra...). Vậy, về nhận thức cần làm rõ và thống nhất rằng phải thiết lập và vận hành, vận dụng các nguyên tắc thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực đầu vào cho nền kinh tế...

Xét về phía cầu, tổng cầu của nền kinh tế có vai trò dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế. Tuy nhiên, xét về tổng cầu là một việc khó khăn, phức tạp...

Cả cung và cầu, trong kinh tế học hiện đại đều có (hoặc đương nhiên có) sự can thiệp của nhà nước. Tuy nhiên, can thiệp vào phía cầu phức tạp hơn nhiều. Sự can thiệp của nhà nước ở đây có thể thể hiện ở việc phân phối sản phẩm, phúc lợi xã hội... và thể hiện rõ bản chất của một chế độ chính trị, kinh tế. Vì vậy, câu hỏi đặt ra (về nhận thức) là cơ chế hay các nguyên tắc thị trường ở đây được vận dụng như thế nào? Và cái gì bảo đảm cho các nguyên tắc ấy hoạt động hiệu quả và vẫn bảo đảm hướng tới mục tiêu giải quyết những vấn đề liên quan đến phúc lợi và sự phát triển của toàn xã hội? Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế

với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xoá đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽²⁾...

Một vấn đề nữa cũng hết sức quan trọng về mặt nhận thức đó là khẳng định và làm rõ vai trò của kinh tế nhà nước. Trước hết, Nhà nước can thiệp gián tiếp vào nền kinh tế thông qua các cơ chế, chính sách kinh tế (được luật hóa). Tiếp đó, Nhà nước can thiệp trực tiếp bằng sử dụng các công cụ hành chính (công cụ thể hiện quyền lực trực tiếp); bằng nguồn lực tài chính (và các nguồn lực khác...) của Nhà nước. Nguồn lực tài chính của Nhà nước được sử dụng thông qua việc đầu tư hoặc chi trả cho giải quyết những vấn đề xã hội, phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm quốc phòng, an ninh... và đầu tư vào nền kinh tế thông qua các doanh nghiệp nhà nước. Câu hỏi đặt ra ở đây là, nguồn lực tài chính nhà nước nên được đầu tư vào đâu, lĩnh vực nào? Và tương tự, doanh nghiệp nhà nước nên hiện diện ở đâu và vận hành thế nào (khi nói về vận dụng nguyên tắc thị trường trong phát triển kinh

(2) Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản số 966 tháng 5-2021, tr. 8 - 9

tế - xã hội)? Nói cách khác là cải cách doanh nghiệp nhà nước như thế nào trong phát triển nền KTTT (đầy đủ) định hướng XHCN?

Nội hàm của đột phá chiến lược thứ hai

Hiện nay, tầm quan trọng và vai trò của việc phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao không còn là vấn đề phải tranh luận. Tuy nhiên, có thể thấy còn nhiều vấn đề cụ thể từ các quan niệm, thuật ngữ sử dụng trong đột phá này. Đồng thời, một trong những vấn đề quan trọng về nhận thức đối với đột phá này là ai là chủ thể của việc thực hiện đột phá cũng chưa thật rõ. Đây là những vấn đề làm cho việc tổ chức, triển khai thực hiện trong thực tiễn còn lúng túng. Cụ thể như sau:

Về phát triển nguồn nhân lực - có nhiều thuật ngữ chưa rõ về nội hàm vì vậy khó triển khai ngay trong thực tiễn và cần phải có nghiên cứu làm rõ:

Đột phá chiến lược thứ hai đề cập đến *phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao*. Trong nhiều năm và cho đến thời điểm hiện nay có thể nói chưa có một quan niệm rõ ràng, phù hợp, dễ vận dụng trong thực tiễn về “nhân lực chất lượng cao”. Đây là vấn đề mà ngay cả trong giới học thuật cũng như quản lý dường như có sự “đồng nhất” với năng lực học vấn (được xác nhận bằng bằng cấp, chứng chỉ...), thay vì nguồn nhân lực có kỹ năng thực sự ở nhiều cấp độ. Vì chưa có quan niệm rõ ràng nên việc đánh giá, đo lường, cụ thể hóa vào các chương trình phát triển gặp khó khăn, lúng túng...

Văn kiện ghi “*ưu tiên phát triển nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt...*”. Ở đây, cũng xuất hiện hai vấn đề cần phải làm rõ, gồm: 1- Nhân lực lãnh đạo, quản lý là một phạm trù “chung”, vậy phát triển nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp hay lãnh đạo, quản lý nhà nước, lãnh đạo, quản lý xã hội, phát triển xã hội; 2- Đây là “lĩnh vực then chốt”.

Nội hàm của việc “*chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo*” cũng hết sức rộng và đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện đột phá này trong 10 năm qua có thể nói là chưa thành công. Vấn đề này cũng đã được thảo luận nhiều nhưng chưa có sự thống nhất và quan niệm cụ thể, vì vậy không có được thước đo, công cụ đánh giá để nhận rõ vấn đề và có hành động cụ thể. Quan niệm “toàn diện”, “cơ bản” làm khó khăn trong xác định trọng tâm, trọng điểm và hành động cụ thể trong phát triển giáo dục - đào tạo.

Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo là chủ trương rất đúng và quan trọng. Tuy nhiên, ở đây cũng xuất hiện thuật ngữ “*nhân tài*” mà rất khó có thể có được quan niệm rõ ràng. Vấn đề tiếp theo là tầm quan trọng và vị trí của khoa học - công nghệ đã được đề cập nhiều, nhưng việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ còn nhiều hạn chế, chưa kể phải gắn với đổi mới sáng tạo - một thuật ngữ mới lần đầu tiên được đưa vào Văn kiện Đại hội XIII của Đảng - trong thời gian tới. Vì vậy, cũng sẽ khó xác định và triển khai các hành động cụ thể nhằm phát triển nhân lực nói chung, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ nói riêng...

Về đột phá chiến lược thứ ba, việc *nâng cao nhận thức phát triển kết cấu hạ tầng chưa sâu, rộng*.

Phát triển đồng bộ và hiện đại kết cấu hạ tầng là nhiệm vụ lâu dài, cần có lộ trình phù hợp với sự phát triển chung của nền kinh tế. Tuy nhiên, việc xác định trình tự và cụ thể hóa các nhiệm vụ còn chưa tốt, một số nhiệm vụ đề ra được thực hiện ở mức thấp. Công tác phối hợp, theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện để có biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh còn lúng túng.

Xuất phát từ việc chưa nhận thức rõ phát triển đồng bộ và hiện đại kết cấu hạ tầng là nhiệm vụ lâu dài, cùng với quan niệm “cứng nhắc” về tính đồng bộ và hiện đại của hệ thống kết cấu hạ tầng dẫn đến sự lúng túng trong xây dựng các chương trình, dự án đầu tư ở một số ngành, địa phương...

Cần nhận thức vấn đề đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng một cách có trọng tâm, trọng điểm để bảo đảm hiệu quả của các dự án (công trình) sớm hoàn thành, đi vào khai thác; đồng thời, sử dụng nguồn lực nhà nước có hiệu quả nhằm tạo ra thị trường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hấp dẫn (sinh lời) để thu hút đầu tư của khu vực ngoài nhà nước.

Giải pháp thực hiện ba đột phá chiến lược

Đột phá chiến lược thứ nhất về hoàn thiện, đồng bộ thể chế.

Một là, về lý luận và nhận thức cần phân biệt rõ thể chế phát triển và thể chế phát triển nền KTTT định hướng XHCN; làm rõ và khẳng định bản chất của thể chế phát triển nền KTTT định hướng XHCN; nghiên cứu, làm rõ tiêu chí (các thuộc tính, nội hàm cụ thể) xã hội XHCN; làm rõ thêm cách thức Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế như thế nào? Trực tiếp hay gián tiếp? Bằng công cụ nào?; nghiên cứu, làm rõ và thống nhất cách thức thiết lập và vận hành, vận dụng các nguyên tắc thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực đầu vào cho nền kinh tế...; nghiên cứu làm rõ sự can thiệp của Nhà nước trong phân phối sản phẩm, phúc lợi xã hội và cơ chế hay các nguyên tắc thị trường ở đây được vận dụng như thế nào? Yếu tố bảo đảm cho các nguyên tắc ấy hoạt động hiệu quả và vẫn bảo đảm hướng tới mục tiêu giải quyết những vấn đề liên quan đến phúc lợi và sự phát triển của toàn xã hội; nghiên cứu và làm rõ vai trò của *kinh tế nhà nước*, sự hiện diện của kinh tế nhà nước (ở đâu, ngành, lĩnh vực nào?)...

Hai là, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm nguyên tắc thị trường định hướng XHCN. Vấn đề quan trọng là từ lý luận, nhận thức tiến tới cụ thể hóa và pháp lý hóa các tư tưởng, đường lối và chủ trương, phát triển nền KTTT định hướng XHCN. Cụ thể, cần xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực xã hội theo hướng “tự do hóa” thị trường các nhân tố đầu vào (trong đó vẫn bảo đảm có sự quản lý của Nhà nước, với phương thức mới):

Sửa đổi các luật liên quan đến quản lý và khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, trong đó tài nguyên phải được “phân bổ” cho chủ thể có năng lực khai thác hiệu quả và bền vững...

Nghiên cứu, từ đó có quy định pháp lý cụ thể về thị trường lao động. Mặc dù Bộ luật Lao động năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 1-1-2021) đã có những quy định quản lý nhà nước về lao động, trong đó có việc theo dõi, cung cấp thông tin về lao động, về thị trường lao động, tuy nhiên chưa có những quy định về tổ chức hoạt động của thị trường lao động để bảo đảm sự dịch chuyển, lựa chọn nghề một cách tự do, hiệu quả và bảo đảm thị trường dẫn dắt các hoạt động đào tạo nghề. Đồng thời, một số quy định về quản lý nhà nước về lao động chưa thật khả thi và phù hợp, chưa thể hiện rõ vai trò của thị trường và tính định hướng XHCN...

Nghiên cứu vận dụng các nguyên tắc thị trường trong huy động, phân bổ nguồn lực tài chính (vốn). Có quy định cụ thể hơn về phân bổ ngân sách nhà nước (trong chi đầu tư phát triển liên quan đến việc tập trung nguồn lực để giải quyết “đứt điểm” các công trình quan trọng; trong việc cấp vốn cho các doanh nghiệp nhà nước...) và các nguồn lực tài chính khác trong xã hội.

Nghiên cứu, rà soát các luật và văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm quy định rõ hơn về phương thức quản lý (can thiệp) của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng: Tôn trọng quyền tự do kinh doanh; chỉ can thiệp khi các hoạt động sản xuất, kinh doanh có tác động tiêu cực ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng, dân cư, lợi ích quốc gia, dân tộc; khi xảy ra các tình huống phải can thiệp, Nhà nước sử dụng quyền lực của mình tùy theo các mức độ ảnh hưởng. Đây là việc hết sức quan trọng, vì những quy định pháp lý liên quan nằm rải rác ở các luật, bộ luật khác nhau...

Nghiên cứu, xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện một số luật mới phù hợp với bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như: Luật Giao dịch điện tử và Kinh tế số (sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử năm 2005); Luật Chính phủ số; Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Du lịch số, Luật Y tế số...

Đột phá chiến lược thứ hai về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phát triển nguồn nhân lực, phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ là nhiệm vụ hết sức quan trọng và đã có sự thống nhất nhận thức trong xã hội về vấn đề này. Tuy nhiên, đi sâu vào những vấn đề cụ thể còn có những khác biệt về nhận thức và hiểu biết chung và từ đó việc cụ thể hóa, pháp lý hóa chủ trương đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ còn gặp những khó khăn. Vì vậy đề triển khai tốt đột phá thứ hai, cần tập trung thực hiện:

Một là, nâng cao nhận thức về đột phá chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Trước bối cảnh và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cũng thay đổi. Theo đó, nhân lực đòi hỏi phải có nhiều kỹ năng mới, trong

đó đổi mới, sáng tạo là yếu tố quyết định. Vì vậy, chính sách bồi dưỡng và thu hút nhân tài cần được thực hiện căn cơ, bài bản, trên cơ sở nghiên cứu làm rõ các thuật ngữ đã nêu trong đột phá chiến lược để tạo ra sự thống nhất về cách hiểu, từ đó làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách, chương trình thực hiện đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, đồng thời tăng cường sự đồng thuận trong xã hội, tạo điều kiện triển khai trong thực tiễn có hiệu quả...

Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực, theo hướng thay vì nặng về các tiêu chí liên quan đến bằng cấp, chứng chỉ như hiện nay, thì nên xuất phát từ phía cầu (mức độ đáp ứng nhu cầu về lao động, việc làm, ví dụ: tỷ lệ có việc làm và việc làm phù hợp sau khi được cấp chứng chỉ, văn bằng; hiệu quả, hiệu suất, năng suất làm việc...). Việc này kết hợp với cơ chế, chính sách tuyển dụng nhân lực (từ phía cầu) sẽ tạo ra sự chuyển biến nhận thức trong toàn xã hội về đào tạo, tự đào tạo trong phát triển nguồn nhân lực...

Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý: 1- Áp dụng chế độ "*chức nghiệp thực tài*". Điều này đòi hỏi đổi mới cách thức tuyển dụng, đánh giá, trả lương, khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm. Cách thức tiến hành: công khai, minh bạch, dân chủ. Các hình thức này về cơ bản đã được nhiều nước áp dụng và rất có hiệu quả, có thể nghiên cứu vận dụng ngay được; 2- Đổi mới công tác đào tạo, ưu tiên đào tạo những kỹ năng mà thực tiễn đòi hỏi.

Tháo gỡ các nút thắt trong lĩnh vực phát triển nhân lực, gồm:

- Tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức từ coi trọng bằng cấp sang đánh giá dựa trên năng lực của người lao động. Nâng cao ý thức tôn trọng và tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy các hoạt động phát minh, sáng chế, phát huy năng lực sáng tạo của nguồn nhân lực.

- Thực hiện nguyên tắc giá cả sức lao động (tiền lương, tiền công) do thị trường quyết định và được phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo tài năng cống hiến. Đặc biệt là thực hiện một hệ thống phân phối tiền lương gắn với năng suất lao động, hiệu quả làm việc; thực hiện công bằng trong phân phối và khuyến khích, tôn vinh lao động sáng tạo, thúc đẩy phát triển nhân lực trình độ cao, trọng dụng nhân tài. Đổi mới có tính cách mạng về tuyển dụng, sử dụng, đánh giá và trả công lao động; gắn sử dụng, đánh giá với đào tạo nguồn nhân lực. Thay đổi quan niệm về “nhân tài” và có chế độ thu hút, đãi ngộ thỏa đáng. Hoàn thiện chính sách quản lý, tuyển dụng và sử dụng lao động, thu hút và giữ chân nhân tài, cũng như phương pháp đánh giá nhân viên, người lao động. Theo đó, cần chú trọng phát triển văn hóa cơ quan, doanh nghiệp và hệ thống chỉ số đánh giá lao động.

- Tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng của thị trường lao động (hướng nghiệp, dịch vụ việc làm, cơ sở dữ liệu thông tin, dự báo thị trường lao động...) và tổ chức nghiên cứu dự báo và cung cấp các dịch vụ công về việc làm có hiệu quả.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về phát triển nhân lực. Chủ động tham gia xây dựng, tiếp cận chuẩn đào tạo, tiêu chuẩn kỹ năng nghề, cũng như các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về các tiêu chuẩn kỹ năng nghề khu vực Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và toàn cầu. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào giáo dục - đào tạo, tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế về kỹ thuật, đào tạo cán bộ và tài chính,... để tăng thêm nguồn lực đầu tư cho phát triển nhân lực.

- Cải cách thể chế giáo dục - đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh mới. Trong đó, tập trung tháo gỡ 4 nút thắt là: Giáo dục hướng nghiệp; mối quan hệ

giữa các cơ sở giáo dục - đào tạo và doanh nghiệp trong giáo dục - đào tạo; trao quyền tự chủ thực sự cho các cơ sở giáo dục - đào tạo; chuẩn hóa chất lượng đào tạo theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

- Tăng cường kết nối đào tạo giữa trường đại học và doanh nghiệp cả trong nước và nước ngoài, tạo điều kiện về pháp lý để các trường và doanh nghiệp có thể hợp tác cùng đào tạo, đưa hợp tác trong đào tạo với các doanh nghiệp vào định hướng phát triển của trường đại học trong giai đoạn 2021 - 2025, và tầm nhìn đến năm 2030.

- Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên cả nước đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và gắn với quy hoạch nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông trong giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu của xã hội. Tăng cường đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động.

- Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin, công nghệ số trong giáo dục - đào tạo; thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân. Tăng cường công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục; xếp hạng các trường đại học. Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, chú trọng các trường sư phạm, trường y; phát triển cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao theo chuẩn khu vực và thế giới, ưu tiên nguồn lực phát triển các trường công nghệ. Nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ ở các cấp học và trình độ đào tạo; coi trọng dạy, học và sử dụng tiếng Anh. Phấn đấu duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm cao của thế giới (trên 0,7); số sinh viên đại học đạt 270 sinh viên trên 1 vạn dân vào năm 2025.

- Tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin dự báo thị trường

lao động và chất lượng dịch vụ việc làm. Xây dựng cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động thông thoáng, phân bố hợp lý lao động theo vùng. Cải cách tổng thể, đồng bộ chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của KTTT, lấy tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh làm cơ sở để tăng lương. Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Hai là, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng các chính sách và thể chế đột phá cho các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, công nghệ mới. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý ngân sách nhà nước về khoa học trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, có tính đến rủi ro và tôn trọng, tôn vinh các nhà khoa học.

Thực hiện chuyển đổi số quốc gia trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia; thực hiện chuyển đổi số trong các doanh nghiệp (quản trị doanh nghiệp, nguồn nhân lực, dây chuyền sản xuất,...), ứng dụng và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hóa, điện tử y sinh, sinh học, năng lượng sạch, công nghệ môi trường. Tiếp tục đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công

nghệ thông tin tập trung theo mô hình tiên tiến trên thế giới.

Cơ cấu lại toàn diện hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ công lập. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động các cơ sở nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ trong các doanh nghiệp; tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Tiếp tục thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

Thực thi hiệu quả chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng cán bộ khoa học - công nghệ, khơi dậy sức sáng tạo, nâng cao trách nhiệm và tôn trọng sự khác biệt trong công tác nghiên cứu. Tháo gỡ các vướng mắc trong chính sách đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực khoa học - công nghệ, đặc biệt là nhân lực có trình độ chuyên môn cao, nhà khoa học đầu ngành. Xây dựng, triển khai các chương trình cụ thể để thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài.

Phát triển mạnh thị trường khoa học - công nghệ, đặc biệt là mạng lưới các tổ chức trung gian môi giới, đánh giá chuyển giao công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu giải mã, làm chủ công nghệ được chuyển giao ở trong nước và từ nước ngoài. Tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Ba là, phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội.

Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu về *phát triển con người gắn kết chặt chẽ với*

xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ giữa văn hóa và con người, nhấn mạnh vai trò của con người với tính chất là chủ thể và cũng là mục đích của phát triển nền văn hóa. Phát triển nền văn hóa chính là phát triển con người và ngược lại. Cùng với chủ trương gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, sự tăng cường và gắn kết phát triển con người và nền văn hóa trong một thể thống nhất sẽ là cơ sở vững chắc để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, không chỉ làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, mà còn trở thành động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Khơi dậy tính cộng đồng, ý chí tự cường và khát vọng vươn lên. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử văn hóa. Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Từng bước hạn chế, tiến tới xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, công chức và đảng viên; tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách văn hóa. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và các giai tầng xã hội. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp văn hóa; phát triển những sản phẩm, loại hình văn hóa độc đáo có sức lan tỏa để quảng bá, giới thiệu ra thế giới.

Đột phá chiến lược thứ ba về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

Một là, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương thực hiện đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng theo tinh thần phát triển đồng bộ và hiện đại kết cấu hạ tầng cả về kinh tế và xã hội là nhiệm vụ lâu dài, cần phải có lộ trình phù hợp với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế, tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức và hành động...

Hai là, xác lập và hoàn thiện thể chế thực hiện đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, trong đó cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ:

Xây dựng đồng bộ, đầy đủ hệ thống văn bản luật, văn bản pháp quy dưới luật để hoàn thiện thể chế phát triển kết cấu hạ tầng. Kết cấu hạ tầng bao gồm nhiều ngành, lĩnh vực và chịu sự điều chỉnh của nhiều luật cũng như các văn bản pháp quy dưới luật. Hơn nữa đặt vấn đề phát triển đồng bộ, hiện đại, đòi hỏi phải có cách tiếp cận tổng thể, hệ thống, trước hết là ngay trong việc tạo lập môi trường thể chế cho phát triển kết cấu hạ tầng.

Thực hiện các giải pháp quyết liệt, đặc biệt các giải pháp về cơ chế, chính sách và huy động, phân bổ nguồn lực nhằm tập trung đầu tư xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước theo các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII đề ra. Cụ thể:

Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư, đấu thầu, bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng kết cấu hạ tầng. Thực hiện giải pháp công khai, minh bạch thông tin và xây dựng cơ chế giám sát để các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng kết cấu hạ tầng...

Xây dựng chính sách cụ thể, trên cơ sở Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

(PPP) để huy động nguồn lực đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trên cơ sở bảo đảm hiệu quả đầu tư, cân bằng lợi ích của các chủ thể...

Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước đầu tư các công trình, dự án liên quan đến quốc phòng, an ninh hoặc các công trình, dự án không kêu gọi, thu hút được các nhà đầu tư ngoài nhà nước... Đồng thời, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ tài sản công (theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) tạo vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng...

Tăng cường kết nối với khu vực và thế giới. Phát triển mạnh hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng phát triển kinh tế số. Để Việt Nam hội nhập sâu hơn, tiến xa hơn vào các thị trường thế giới, tiếp cận được nhiều thị trường, hạ tầng giao thông của Việt Nam phải tiếp tục kết nối với khu vực và thế giới. Hạ tầng công nghệ thông tin, tài nguyên, dữ liệu số phải phát triển tương xứng và đáp ứng xu hướng phát triển kinh tế số.

Ba là, thời gian tới cần tập trung rà soát danh mục các công trình, dự án kết cấu hạ tầng để tập trung ưu tiên đầu tư, trong đó có danh mục thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước để tiếp tục tập trung nguồn lực, đầu tư có trọng điểm, cấp bách và hoàn thành dứt điểm các công trình, dự án dở dang, các công trình, dự án trong kế hoạch... Ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bốn là, rà soát lại tất cả những văn bản pháp luật liên quan để loại bỏ những nội dung mâu thuẫn, xung đột khi triển khai thực hiện các dự án xây dựng và vận hành các công trình kết cấu hạ tầng. Hiện vẫn còn nhiều vướng mắc trong các văn bản pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, thuế, tài nguyên, môi trường...

Tổ chức tốt việc lập quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành liên

quan đến lĩnh vực kết cấu hạ tầng (đường bộ, đường sắt, cảng biển, sân bay, năng lượng, phòng, chống thiên tai và thủy lợi...) theo yêu cầu của Luật Quy hoạch năm 2017. Trong đó, để bảo đảm nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, cần rà soát, hệ thống hóa, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, suất đầu tư, đơn giá bảo đảm đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế thị trường; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Rà soát lại các quy định về đầu tư dự án PPP để đẩy mạnh thu hút các thành phần kinh tế, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thông qua cơ chế, chính sách thông thoáng, minh bạch, bảo đảm lợi ích thỏa đáng của nhà đầu tư và coi đây là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp đầu tư, phân bổ nguồn vốn, thực hiện chế độ phân quyền, ủy quyền để phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong các quyết định đầu tư (hình thức lựa chọn nhà thầu, chất lượng, hiệu quả của dự án...) phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm sự quản lý thống nhất chung, đồng thời tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Hoàn thiện cơ chế giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật đánh giá chung đối với các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng gắn với đặc thù của vùng. Tăng cường phối hợp giám sát thực hiện đầu tư và đánh giá quá trình cũng như kết quả đầu tư, đặc biệt là các dự án tạo sự kết nối giữa các địa phương và liên vùng; xác định mô hình tổ chức phối hợp giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng vùng. □